

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness
Gia Lai, ngày 30 tháng 07 năm 2026
Gia Lai, July 30th, 2026

Kính gửi/ To: - Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI.**
 - *Name of organization: GIA LAI HYDROPOWER JOINT STOCK COMPANY*
 - Mã chứng khoán/Stock code: **GHC**
 - Địa chỉ/ Address : 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, tỉnh Gia Lai/114 Truong Chinh, Pleiku Ward, Gia Lai Province
 - Điện thoại liên hệ/Tel: (+84) 269 3830013 Fax: (+84) 269 3830013
 - Email: thuydiengl@geccom.vn
2. Các nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:
 - Công văn số 41/2026/CV-GHC về việc giải trình Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Q2 2026/ Official Letter No. 41/2026/CV-GHC on explaining the Q2 2026 Income Statement
 - Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý 2 2026/ Consolidated Financial Statements for Q2 2026
 - Báo cáo Tài chính Riêng lẻ Quý 2 2026/ Separate Financial Report for Q2 2026
3. Các Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty cùng ngày tại đường dẫn: <https://ghc.vn/quan-he-co-dong/qhcd-00005> mục Quan hệ Cổ đông – Báo cáo Tài chính Quý Năm 2026/ This information has been published at the same day, on <https://ghc.vn/quan-he-co-dong/qhcd-00005> Shareholder Relations – Quarterly Financial Report – 2026

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
PERSON AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION



**CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN GIA LAI**

Số: 41/2026/CV-GHC

V/v: Giải trình Báo cáo kết quả hoạt động
kinh doanh Quý 2/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Gia Lai, ngày 30 tháng 07 năm 2026

Kính gửi: - **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
 - **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH**

Thực hiện quy định về công bố thông tin theo thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính, Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai (mã chứng khoán: GHC) giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2/2026 thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước như sau:

Đvt: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Quý 2/2026	Quý 2/2025	Chênh lệch Q2/2026-Q2/2025
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo tài chính riêng	28,44	32,82	(4,38)
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo tài chính hợp nhất	22,04	36,63	(14,59)

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng Quý 2/2026 đạt 28,44 tỷ đồng, giảm 4,38 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước tương ứng với tỷ lệ giảm 13% do các nguyên nhân sau:
 - Doanh thu điện giảm hơn 2,59 tỷ đồng, do điều kiện thời tiết không thuận lợi cho hoạt động sản xuất thủy điện;
 - Giá vốn bán hàng tăng 2,40 tỷ đồng, chủ yếu do tăng cường công tác sửa chữa các nhà máy điện.
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2/2026 đạt 22,04 tỷ đồng giảm 14,59 tỷ đồng so với cùng kỳ tương ứng với tỷ lệ giảm 40% do các nguyên nhân sau:
 - Doanh thu điện giảm 2,59 tỷ đồng chủ yếu do điều kiện thời tiết không thuận lợi cho hoạt động sản xuất thủy điện,
 - Trong Quý 2/2025 Công ty liên kết ghi nhận khoản doanh thu bổ sung của trụ A7 - Nhà máy Điện gió VPL cho giai đoạn năm 2023 - 2024 chuyển sang;
 - Giá vốn bán hàng tăng 2,40 tỷ đồng, chủ yếu do tăng cường công tác sửa chữa các nhà máy điện.

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN trên kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2/2026 so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.

 **GIÁM ĐỐC**
Trần Danh Bảo



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN GIA LAI

Địa chỉ: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Điện thoại: 0269.3830.013

Fax: 0269.3830.013

Email: thuydiengl@geccom.vn

Website: www.ghc.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ II NĂM 2026

July 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 (Đã điều chỉnh) VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		364.650.004.994	275.942.109.000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	13.919.662.727	17.729.651.553
1. Tiền	111		8.919.662.727	4.729.651.553
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	13.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		189.000.000.000	176.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	6	189.000.000.000	176.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		154.045.383.377	75.457.185.356
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	43.691.625.372	72.604.461.055
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	875.758.005	1.318.183.110
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	9a	109.478.000.000	1.534.541.191
IV. Hàng tồn kho	140	10	7.007.420.934	6.294.447.895
1. Hàng tồn kho	141		7.007.420.934	6.294.447.895
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		677.537.956	460.824.196
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	15a	645.325.201	460.824.196
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162	18a	1.895.373	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	18a	30.317.382	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.221.955.600.271	1.248.194.883.522
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.742.469.733	16.742.469.733
1. Phải thu dài hạn khác	215	9b	1.742.469.733	16.742.469.733
II. Tài sản cố định	220		660.362.028.057	691.402.158.636
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	643.329.296.682	674.119.394.685
- Nguyên giá	222		1.317.946.851.751	1.317.946.851.751
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(674.617.555.069)	(643.827.457.066)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	17.032.731.375	17.282.763.951
- Nguyên giá	228		22.239.570.976	22.239.570.976
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.206.839.601)	(4.956.807.025)
III. Tài sản dở dang dài hạn	250		16.435.185	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	11	16.435.185	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	260		558.429.252.496	537.868.803.982
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	14	478.429.252.496	457.868.803.982
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	6	80.000.000.000	80.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	270		1.405.414.800	2.181.451.171
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	15b	1.398.769.907	2.181.451.171
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		6.644.893	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.586.605.605.265	1.524.136.992.522

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 30 tháng 06 năm 2026

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026 VND	01/01/2026 (Đã điều chỉnh) VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		353.523.481.833	388.412.299.060
I. Nợ ngắn hạn	310		96.748.481.833	88.987.299.060
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	5.003.846.646	673.449.121
2. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	17	3.706.357.226	3.748.218.026
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	18b	12.259.204.964	26.403.549.164
4. Phải trả người lao động	315		-	253.093.804
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	19	1.936.835.033	974.918.276
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	20	188.453.379	661.533.084
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	21	23.800.000.000	3.300.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		49.853.784.585	52.972.537.585
II. Nợ dài hạn	330		256.775.000.000	299.425.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	22	256.775.000.000	299.425.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	23	1.233.082.123.432	1.135.724.693.462
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		476.625.000.000	476.625.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		476.625.000.000	476.625.000.000
2. Thặng dư vốn	412		337.979.579.990	337.979.579.990
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		72.419.646.025	72.419.646.025
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		346.037.906.335	248.700.467.447
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		248.700.467.447	157.943.285.002
LNST chưa phân phối kỳ này	420b		97.337.438.888	90.757.182.445
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		19.991.082	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.586.605.605.265	1.524.136.992.522

Nguyễn Tiến Bằng
Người lập/Kế toán trưởng



Trần Danh Bảo
Giám đốc

Ngày 28 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho kỳ báo cáo kết thúc 30/06/2026

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Quý II/2026 VND	Quý II/2025 (Đã điều chỉnh) VND	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (Đã điều chỉnh) VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		72.354.647.723	74.945.619.564	159.145.885.506	144.272.788.159
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	24	72.354.647.723	74.945.619.564	159.145.885.506	144.272.788.159
3. Giá vốn hàng bán	11	25	37.124.143.663	34.728.083.269	64.662.961.088	61.374.140.093
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		35.230.504.060	40.217.536.295	94.482.924.418	82.898.648.066
5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	26	4.855.479.325	4.487.462.277	8.822.148.444	8.885.139.691
6. Chi phí tài chính	23	27	6.669.858.009	6.063.581.582	12.553.412.185	12.744.689.752
Trong đó: Chi phí đi vay	24		6.669.858.009	6.062.797.642	12.553.412.185	12.743.905.812
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	2.193.117.307	1.958.231.261	4.024.419.224	3.526.330.940
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	27		(6.405.970.122)	3.814.347.969	20.560.448.514	32.373.249.457
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.817.037.947	40.497.533.698	107.287.689.967	107.886.016.522
10. Thu nhập khác	31	29	418.465.130	-	418.557.723	-
11. Chi phí khác	32	29	65.045.412	-	65.045.412	-
12. Lợi nhuận khác	40		353.419.718	-	353.512.311	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		25.170.457.665	40.497.533.698	107.641.202.278	107.886.016.522
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	3.135.556.779	3.864.175.373	10.310.417.201	8.149.605.921
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	(6.644.893)	-	(6.644.893)	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		22.041.545.779	36.633.358.325	97.337.429.970	99.736.410.601
17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		22.041.554.697	36.633.358.325	97.337.438.888	99.736.410.601
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(8.918)	-	(8.918)	-
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.042	769	2.042	2.093
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	31	2.042	769	2.042	2.093

Nguyễn Tiến Bằng
Người lập/Kế toán trưởng

Trần Danh Bảo
Giám đốc
Ngày 28 tháng 07 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/06/2026

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (Đã điều chỉnh) VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	107.641.202.278	107.886.016.522
2.	Điều chỉnh cho các khoản			
3.	Khấu hao TSCĐ	02	31.040.130.579	31.347.831.308
4.	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(847.486)	(3.964.856)
5.	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05	(29.374.470.112)	(41.253.947.202)
6.	Chi phí đi vay	06	12.553.412.185	12.743.905.812
7.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	121.859.427.444	110.719.841.584
8.	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(63.625.090.228)	10.145.360.359
9.	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(712.973.039)	(1.257.537.353)
10.	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.822.150.602	(51.730.489)
11.	Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12	598.180.259	2.342.779.181
12.	Chi phí đi vay đã trả	14	(11.980.162.185)	(12.907.655.843)
13.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(23.300.456.415)	(13.280.352.239)
14.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.118.753.000)	(1.600.122.900)
15.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	22.542.323.438	94.110.582.300
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
16.	Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	-	(799.100.000)
17.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(13.000.000.000)	(70.000.000.000)
18.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	138.000.000.000
19.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.818.701.050	25.694.720.813
20.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.181.298.950)	92.895.620.813
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
21.	Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	20.000.000	-
22.	Tiền thu từ đi vay	33	2.257.218.901	1.623.841.064
23.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.407.218.901)	(62.573.841.064)
24.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(41.860.800)	(75.482.900)
25.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(22.171.860.800)	(61.025.482.900)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho kỳ báo cáo kết thúc ngày 30/06/2026

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2026 đến 30/06/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 (Đã điều chỉnh) VND
	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50	(3.810.836.312)	125.980.720.213
27.	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	17.729.651.553	16.247.244.072
28.	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	847.486	3.964.856
	TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70	13.919.662.727	142.231.929.141



Nguyễn Tiến Bằng
Người lập/Kế toán trưởng



Trần Danh Bảo
Giám đốc

Ngày 28 tháng 07 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Thủy Điện Gia Lai (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Điện Gia Lai và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900288566 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 23 tháng 05 năm 2002 (thay đổi lần thứ 17 vào ngày 05/06/2026).

Cổ phiếu của Công ty (mã cổ phiếu GHC) được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 31/12/2025 theo Quyết định số 1262/QĐ-SGDHCM ngày 31 tháng 12 năm 2025. Và ngày giao dịch chính thức đầu tiên là ngày 30/01/2026 theo Thông báo số 174/TB-SGDHCM ngày 22/01/2026 của Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Công ty”) là đầu tư xây dựng công trình thủy điện, điện mặt trời vừa và nhỏ; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; và cung cấp hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 114 Đường Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Công ty có một chi nhánh là Công ty Cổ phần Thủy điện Gia Lai - Chi nhánh TTC Bình Thuận tại Thôn Phú Thắng, Xã Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 tổng số các Công ty con gồm: 1 Công ty con trực tiếp và 1 Công ty con gián tiếp. Trong đó, số lượng các Công ty con được hợp nhất: 2 Công ty.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 14/2026/NQ-HĐQT ngày 25/06/2026 phê duyệt góp vốn đầu tư thành lập Công ty liên kết với vốn điều lệ là 202.000.000.000 VND. Tại ngày cuối kỳ báo cáo, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào công ty liên kết này.

Danh sách Các Công ty con được hợp nhất:**1.1 Công ty TNHH Năng lượng GHC**

Địa chỉ trụ sở chính: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và phân phối điện

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 99,97%

Quyền biểu quyết của Công ty: 99,97%

1.2 Công ty TNHH Điện Mặt Trời Tân Phú Đông

Địa chỉ trụ sở chính: C32, Đường số 3, Mỹ Thạnh Hưng, Phường Thới Sơn, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và phân phối điện

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 99,97%

Quyền biểu quyết của Công ty: 100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***Danh sách Công ty liên kết:****- Công ty CP Năng Lượng VPL:**

Địa chỉ trụ sở chính: 16 Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là: Truyền tải và phân phối điện

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 29,72%

Quyền biểu quyết của Công ty: 29,72%

- Công ty CP Điện gió Ia Bang:

Địa chỉ trụ sở chính: 114 Trường Chinh, Phường Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Hoạt động chính của Công ty là: Sản xuất và phân phối điện

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 39,53%

Quyền biểu quyết của Công ty: 39,53%

2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) ban hành ngày 27/10/2025 (thay thế Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014) và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ban hành ngày 20/04/2026 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014) có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 99 và có ảnh hưởng tới Công ty trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 99 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Công ty cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu để phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 99 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

Công ty cũng áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

3. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***4. Tóm tắt các chính sách kế toán áp dụng chủ yếu****4.1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng:**

Việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo hướng dẫn Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính. Theo đó, đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm kết thúc năm kế toán.

Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày cuối kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Các phương pháp kế toán:

- Phương pháp vốn chủ sở hữu: Khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên nhận đầu tư sau ngày đầu tư. Khoản được phân chia từ bên nhận đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải được thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Những thay đổi trong vốn chủ sở hữu của bên nhận đầu tư có thể bao gồm những khoản phát sinh từ việc đánh giá lại TSCĐ và các khoản đầu tư, chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ và những điều chỉnh các chênh lệch phát sinh khi hợp nhất kinh doanh.
- Phương pháp giá gốc: Ghi nhận ban đầu khoản đầu tư theo giá gốc và chỉ hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà nhà đầu tư nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

4.4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4.5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

4.6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**Tài sản cố định hữu hình:*****Nguyên giá***

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư 28/2017/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Mức khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc thiết bị	7 – 25
Phương tiện vận tải	6 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8
Khác	4 – 19

Tài sản cố định vô hình:***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được phản ánh theo nguyên giá và không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Mức khấu hao tùy thuộc vào thời gian được giao đất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tài sản cố định vô hình khác

Các tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính.

Loại tài sản

Thời gian khấu hao (năm)

Phần mềm máy tính

3

Quyền sử dụng đất

32 - 43

4.7 Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ:

Chi phí trả trước phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Việc tính và phân bổ chi phí chờ phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ phải căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí của các kỳ kế toán sau.

4.8 Nguyên tắc kế toán nợ phải trả:

Các khoản nợ phải trả phản ánh tình hình thanh toán của Công ty về các khoản nợ cho người bán, tiền mua vật tư, hàng hóa, nhận cung cấp dịch vụ,...

Đối với khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, phải quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch). Trong trường hợp ứng trước cho người bán khi đủ điều kiện ghi nhận tài sản hoặc chi phí thì áp dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh đối với số tiền ứng trước.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản vay ngân hàng và tổ chức khác, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và phải đánh giá lại số dư nợ vay bằng ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả) được phân bổ dần theo thời hạn của khoản vay.

4.10 Ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc phải trả cho nhà cung cấp nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị và nghĩa vụ nợ đó. Không được ghi nhận khoản dự phòng cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai, trừ khi chúng liên quan đến một hợp đồng có rủi ro lớn và thỏa mãn điều kiện ghi nhận khoản dự phòng.

Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Khoản vốn góp huy động, nhận từ các chủ sở hữu luôn được ghi nhận theo số thực góp, không ghi nhận theo số cam kết góp của các chủ sở hữu. Trường hợp ghi nhận vốn góp bằng tài sản phi tiền tệ thì kế toán phải ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản tại ngày góp vốn.

Việc ghi nhận góp vốn bằng các loại tài sản vô hình: bản quyền, thương hiệu, nhãn hiệu,... được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Việc sử dụng vốn đầu tư của chủ sở hữu, chênh lệch đánh giá lại tài sản, quỹ đầu tư phát triển để bù lỗ kinh doanh được thực hiện theo quyết định của chủ sở hữu.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

4.14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, quyền quản lý hoặc quyền kiểm soát sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

4.15 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Các chi phí được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi các khoản chi phí này làm giảm bớt lợi ích kinh tế trong tương lai có liên quan đến việc giảm bớt tài sản hoặc tăng nợ phải trả và chi phí này phải xác định được một cách đáng tin cậy.

Khi lợi ích kinh tế dự kiến thu được trong nhiều kỳ kế toán có liên quan đến doanh thu được xác định một cách gián tiếp thì các chi phí liên quan được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

Một khoản chi phí được ghi nhận ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

4.16 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

4.17 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng: phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hoa hồng bán hàng, đóng gói, vận chuyển...

Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp: phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

4.18 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)****Thuế thu nhập hoãn lại***

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc:

- Ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong năm;
- Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước;

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4.19 Nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất

Công ty mẹ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của mình và của tất cả các công ty con ở trong nước và ngoài nước do công ty mẹ kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, trừ các trường hợp:

- Quyền kiểm soát của công ty mẹ chỉ là tạm thời và phải được xác định ngay tại thời điểm mua công ty con. Nếu tại thời điểm mua, công ty mẹ đã phân loại khoản đầu tư là công ty con. Sau đó công ty mẹ dự kiến thoái vốn trong thời gian dưới 12 tháng hoặc công ty con dự kiến phá sản, giải thể, chia tách, sáp nhập, chấm dứt hoạt động trong thời gian dưới 12 tháng thì không được coi quyền kiểm soát là tạm thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)**B09-DN/HN***(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

- Hoạt động của công ty con bị hạn chế trong thời gian trên 12 tháng và điều này ảnh hưởng đáng kể tới khả năng chuyển vốn cho công ty mẹ.

Công ty mẹ không được loại trừ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất đối với:

- Công ty con có hoạt động kinh doanh khác biệt với hoạt động của công ty mẹ và công ty con khác trong tập đoàn;

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở áp dụng chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự trong toàn Tập đoàn.

Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con phải được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát công ty con và chấm dứt vào ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát công ty con. Khoản đầu tư vào doanh nghiệp phải hạch toán theo Chuẩn mực kế toán “Công cụ tài chính” kể từ khi doanh nghiệp đó không còn là công ty con và cũng không trở thành công ty liên doanh, liên kết.

Phần sở hữu của công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua phải được trình bày theo giá trị hợp lý, cụ thể:

Tài sản thuần của công ty con tại ngày mua được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá trị hợp lý. Nếu công ty mẹ không sở hữu 100% công ty con thì phần chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý phải phân bổ cho cả cổ đông mẹ và cổ đông không kiểm soát.

Sau ngày mua, nếu các tài sản của công ty con tại ngày mua (có giá trị hợp lý khác biệt so với giá trị ghi sổ) được khấu hao, thanh lý hoặc bán thì phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ được coi là đã thực hiện và phải điều chỉnh vào:

Nếu có chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua, công ty mẹ phải ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ giao dịch hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con).

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ. Phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Số chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn tại công ty con và giá trị phần tài sản thuần của công ty con bị thoái vốn cộng với (+) giá trị phần lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận ngay trong kỳ phát sinh theo nguyên tắc:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo) B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Nếu giao dịch thoái vốn không làm công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con, toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.
- Nếu giao dịch thoái vốn dẫn đến việc công ty mẹ mất quyền kiểm soát đối với công ty con, toàn bộ chênh lệch nêu trên được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản đầu tư vào công ty con sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Trường hợp công ty mẹ có các công ty con lập Báo cáo tài chính bằng đồng tiền khác với đồng tiền báo cáo của công ty mẹ. Trước khi hợp nhất Báo cáo tài chính, công ty mẹ phải chuyển đổi toàn bộ Báo cáo tài chính của các công ty con sang đồng tiền báo cáo của công ty mẹ theo quy định.

Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

Thuế Giá trị gia tăng: Áp dụng mức thuế suất 10% cho hoạt động bán điện và cung cấp dịch vụ, các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành. Công ty áp dụng thuế suất 8% cho các hoạt động kinh doanh được quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 cho khoảng thời gian từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 và Nghị định 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025 cho khoảng thời gian từ 01/07/2025 đến 31/12/2026.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20% theo thông tư thông tư 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ tài chính. Riêng đối với các dự án đầu tư sẽ áp dụng mức thuế suất và mức ưu đãi thuế theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho từng dự án và theo quy định tại Thông tư 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, cụ thể như sau:

- Đối với Nhà máy thủy điện H'Chan: Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong vòng 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh (từ năm 2006 đến năm 2020). Từ năm 2021, Công ty áp dụng mức thuế suất theo quy định pháp luật hiện hành. Thuế suất áp dụng 20%.
- Đối với Nhà máy thủy điện H'Mun: Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%, được miễn thuế trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế do dự án đầu tư mang lại (từ năm 2011 đến 2014), và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ 2015 đến 2023). Ưu đãi được quy định tại Khoản 1 Điều 13 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp. Từ năm 2024, Công ty áp dụng mức thuế suất Thuế TNDN là 20%.
- Đối với Nhà máy ĐMT TTC Hàm Phú 2: Được công nhận vận hành thương mại vào ngày 21/4/2019, Công ty đăng ký áp dụng mức thuế suất thuế TNDN 10%, được miễn 4 năm (từ năm 2019 đến năm 2022), giảm 50% cho 9 năm tiếp theo (từ năm 2023 đến 2031).

Các khoản thu nhập khác áp dụng theo mức thuế suất theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	16.052.000	-
Tiền gửi ngân hàng	8.903.610.727	4.729.651.553
Các khoản tương đương tiền (*)	5.000.000.000	13.000.000.000
Tổng	13.919.662.727	17.729.651.553

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá 3 tháng với lãi suất 4,75%/năm tại ngày cuối kỳ (ngày đầu năm từ 3,8%/năm đến 4%/năm).

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phải thu về cho vay là bên liên quan	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	189.000.000.000	176.000.000.000
Công ty CP Điện TTC Đức Huệ - Long An	36.000.000.000	122.000.000.000
Công ty CP Hợp Tác Phát Triển Năng Lượng Tái Tạo VIJA	54.500.000.000	29.000.000.000
Công ty CP Nhà Máy Điện Mặt Trời Trúc Sơn	8.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Năng lượng VPL	68.000.000.000	-
Công ty CP Năng Lượng Điện Cao Nguyên	22.500.000.000	10.000.000.000
Dài hạn	80.000.000.000	80.000.000.000
Công ty CP Nhà Máy Điện Mặt Trời Trúc Sơn	80.000.000.000	80.000.000.000
Cộng	269.000.000.000	256.000.000.000

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Bên thứ ba	43.691.625.372	72.604.461.055
Công ty Mua Bán Điện	29.620.252.358	24.528.212.352
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	13.306.599.649	47.571.824.571
Khác	764.773.365	504.424.132
Tổng	43.691.625.372	72.604.461.055

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Bên thứ ba	875.758.005	1.318.183.110
Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị Tự động Hóa VITECH	875.758.005	1.168.183.110
Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt – Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	150.000.000
Tổng	875.758.005	1.318.183.110

9. Phải thu khác**a. Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	92.958.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	20.000.000	20.000.000
Khác	16.500.000.000	1.514.541.191
Tổng	109.478.000.000	1.534.541.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Phải thu dài hạn khác

	30/06/2026		01/01/2026	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng cho nhân viên	1.742.469.733	-	1.742.469.733	-
Đặt cọc	-	-	15.000.000.000	-
Tổng	1.742.469.733	-	16.742.469.733	-

10. Hàng tồn kho

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Nguyên vật liệu	2.380.465.535	2.507.769.035
Công cụ, dụng cụ	4.626.955.399	3.786.678.860
Tổng	7.007.420.934	6.294.447.895

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Tân Phú Đông	16.435.185	-
Tổng	16.435.185	-

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	20.980.986.631	1.258.584.345	22.239.570.976
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	20.980.986.631	1.258.584.345	22.239.570.976
Khấu hao lũy kế			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	3.698.222.680	1.258.584.345	4.956.807.025
Khấu hao trong kỳ	250.032.576	-	250.032.576
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	3.948.255.256	1.258.584.345	5.206.839.601
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	17.282.763.951	-	17.282.763.951
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	17.032.731.375	-	17.032.731.375

- TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 30/06/2026 là 1,3 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2025 là 1,3 tỷ đồng).
- Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình được dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay đến ngày 30/06/2026 là 15,68 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2025 là 15,92 tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

B09-DN/HN

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	421.960.274.528	775.212.877.222	53.528.863.438	3.297.092.590	63.947.743.973	1.317.946.851.751
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	421.960.274.528	775.212.877.222	53.528.863.438	3.297.092.590	63.947.743.973	1.317.946.851.751
Khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	230.024.204.265	340.714.322.825	20.437.572.479	2.315.903.948	50.335.453.549	643.827.457.066
Khấu hao trong kỳ	8.494.173.108	19.469.599.725	1.157.087.616	186.275.532	1.482.962.022	30.790.098.003
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	238.518.377.373	360.183.922.550	21.594.660.095	2.502.179.480	51.818.415.571	674.617.555.069
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2026	191.936.070.263	434.498.554.397	33.091.290.959	981.188.642	13.612.290.424	674.119.394.685
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	183.441.897.155	415.028.954.672	31.934.203.343	794.913.110	12.129.328.402	643.329.296.682

- Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng đến ngày 30/06/2026 là 64,33 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2025 là 63,38 tỷ đồng)
- Giá trị còn lại của TSCĐ được dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2026 là 589,03 tỷ đồng (tại ngày 31/12/2025 là 599,05 tỷ đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty Cổ phần Điện gió Ia Bang	215.468.013.409	199.828.045.697
Công ty Cổ Phần Năng Lượng VPL	262.961.239.087	258.040.758.285
Tổng	478.429.252.496	457.868.803.982

15. Chi phí chờ phân bổ**a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn**

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	545.183.507	182.426.910
Khác	100.141.694	278.397.286
Tổng	645.325.201	460.824.196

b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Chi phí bảo hiểm	571.363.726	993.677.115
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	659.127.752	1.099.629.254
Công cụ dụng cụ	168.278.429	88.144.802
Tổng	1.398.769.907	2.181.451.171

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Bên thứ ba	5.003.846.646	673.449.121
Công ty TNHH MTV Xây Dựng Nhật Quang	4.911.884.624	526.149.073
Khác	91.962.022	147.300.048
Tổng	5.003.846.646	673.449.121

17. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Cổ tức phải trả cho cổ đông	3.706.357.226	3.748.218.026
Tổng	3.706.357.226	3.748.218.026

18. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu nhà nước**a. Phải thu**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ	Số được hoàn trong kỳ	Cần trừ/ phân loại lại trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	-	1.895.373	-	-	1.895.373
Thuế TNCN	-	-	30.317.382	-	30.317.382
	-	1.895.373	30.317.382	-	32.212.755

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Phải trả

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Cần trừ/ phân loại lại trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	1.305.089.186	14.102.531.715	(12.407.414.724)	(1.876.692.152)	1.123.514.025
Thuế TNDN	22.851.105.588	10.335.480.465	(23.300.456.415)	-	9.886.129.638
Thuế TNCN	122.145.935	221.077.687	(343.223.622)	-	-
Thuế tài nguyên	2.025.208.455	3.326.594.860	(4.996.596.014)	-	355.207.301
Khác	100.000.000	1.642.156.055	(847.802.055)	-	894.354.000
	26.403.549.164	29.627.840.782	(41.895.492.830)	(1.876.692.152)	12.259.204.964

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Lãi vay phải trả	964.927.534	391.677.534
Khác	971.907.499	583.240.742
Tổng	1.936.835.033	974.918.276

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Phí dịch vụ môi trường	170.703.379	661.533.084
Khác	17.750.000	-
Tổng	188.453.379	661.533.084

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2026	01/01/2026
	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Gia Lai	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	23.800.000.000	3.300.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Gia Lai (1)	20.500.000.000	-
+ Dự án ĐMT Hàm Phú 2	20.500.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát Triển Việt Nam - CN Gia Định (2)	3.300.000.000	3.300.000.000
Tổng	23.800.000.000	3.300.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2026 VND	01/01/2026 VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Gia Lai (1)	251.000.000.000	292.000.000.000
+ Dự án ĐMT Hàm Phú 2	251.000.000.000	292.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát Triển Việt Nam - CN Gia Định (2)	5.775.000.000	7.425.000.000
Tổng	256.775.000.000	299.425.000.000

- (1) Hợp đồng tín dụng số 125/18/VCB.GHC ngày 10/09/2018 được ký kết giữa Công Ty CP Thủy Điện Gia Lai và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Gia Lai để đầu tư xây dựng Dự án điện mặt trời Hàm Phú 2 – Bình Thuận. Thời hạn cho vay là 132 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi vay cố định 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 7,8%/năm, các năm tiếp theo lãi suất cho vay bằng lãi suất cơ sở + 2,6%/năm. Thời hạn giải ngân tối đa là 18 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản: Nhà máy điện mặt trời Hàm Phú 2 – Bình Thuận.
- (2) Hợp đồng vay vốn Dự án điện mặt trời áp mái. Thời hạn cho vay là 102 tháng kể từ ngày giải ngân vay vốn lần đầu. Lãi suất vay được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần theo lãi suất do Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – CN Gia Định thông báo. Khoản vay vốn này được thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai của các Dự án nhà máy điện mặt trời áp mái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Vốn cổ phần		Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân	Lợi ích của cổ đông KKS	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2025	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	157.943.285.002	-	1.044.967.511.017	
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	194.528.020.965	-	194.528.020.965	
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(95.325.000.000)	-	(95.325.000.000)	
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(8.445.838.520)	-	(8.445.838.520)	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	248.700.467.447	-	1.135.724.693.462	
Lợi nhuận/(lỗ) trong năm	-	-	-	97.337.438.888	(8.918)	97.337.429.970	
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	20.000.000	20.000.000	
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	476.625.000.000	337.979.579.990	72.419.646.025	346.037.906.335	19.991.082	1.233.082.123.432	

a. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	47.662.500	47.662.500
- Cổ phiếu thương	47.662.500	47.662.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	47.662.500	47.662.500
- Cổ phiếu thường	47.662.500	47.662.500
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VNĐ		

b. Vốn cổ phần cổ đông phổ thông

	Tỷ lệ %	30/06/2026 VND	Tỷ lệ %	01/01/2026 VND
Công ty CP Điện Gia Lai	62,53	298.048.910.000	62,53	298.048.910.000
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	2,83	13.500.000.000	2,83	13.500.000.000
Cổ đông khác	34,63	165.076.090.000	34,63	165.076.090.000
Cộng	100	476.625.000.000	100	476.625.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Quý II		Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	
	Năm 2026	Năm 2025	30.06.2026	30.06.2025
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán điện	71.617.238.812	74.116.554.881	158.408.476.595	143.423.608.143
Doanh thu khác	737.408.911	829.064.683	737.408.911	849.180.016
	72.354.647.723	74.945.619.564	159.145.885.506	144.272.788.159

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Quý II		Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	
	Năm 2026	Năm 2025	30.06.2026	30.06.2025
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn bán điện	37.124.143.663	34.728.083.269	64.662.961.088	61.374.140.093
	37.124.143.663	34.728.083.269	64.662.961.088	61.374.140.093

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II		Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	
	Năm 2026	Năm 2025	30.06.2026	30.06.2025
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	4.849.520.206	4.483.020.331	8.814.021.598	8.880.697.745
Chênh lệch lãi tỷ giá chưa thực hiện	847.486	3.964.856	847.486	3.964.856
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	5.111.633	477.090	7.279.360	477.090
	4.855.479.325	4.487.462.277	8.822.148.444	8.885.139.691

27. Chi phí tài chính

	Quý II		Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	
	Năm 2026	Năm 2025	30.06.2026	30.06.2025
	VND	VND	VND	VND
Chi phí đi vay	6.669.858.009	6.062.797.642	12.553.412.185	12.743.905.812
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	-	783.940	-	783.940
	6.669.858.009	6.063.581.582	12.553.412.185	12.744.689.752

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II		Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	
	Năm 2026	Năm 2025	30.06.2026	30.06.2025
	VND	VND	VND	VND
Chi phí nhân viên	943.044.766	946.508.029	1.781.184.095	1.763.536.266
Dịch vụ mua ngoài	455.191.717	241.184.784	580.216.351	303.800.971
Khấu hao tài sản cố định	29.341.764	29.341.761	58.683.528	58.683.522
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	113.346.732	58.741.805	221.940.081	127.872.453
Khác	652.192.328	682.454.882	1.382.395.169	1.272.437.728
	2.193.117.307	1.958.231.261	4.024.419.224	3.526.330.940

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

B09-DN/HN

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

29. Thu nhập và chi phí khác

	Quý II		Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	
	Năm 2026	Năm 2025	30.06.2026	30.06.2025
	VND	VND	VND	VND
Thu nhập khác				
Bồi thường tổn thất TSCĐ	418.187.351	-	418.187.351	-
Khác	277.779	-	370.372	-
	418.465.130	-	418.557.723	-
Chi phí khác				
Khác	65.045.412	-	65.045.412	-
	65.045.412	-	65.045.412	-
Lợi nhuận/(lỗ) khác	353.419.718	-	353.512.311	-

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

	Quý II		Lũy kế đến cuối kỳ báo cáo	
	Năm 2026	Năm 2025	30.06.2026	30.06.2025
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	25.170.457.665	40.497.533.698	107.641.202.278	107.886.016.522
Điều chỉnh	930.892.339	814.320.936	1.745.149.354	(15.371.358.128)
Chi phí không được trừ	964.116.804	814.320.936	1.778.373.819	1.628.641.872
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(33.224.465)	-	(33.224.465)	-
Thu nhập không chịu thuế	-	-	-	(17.000.000.000)
Thu nhập chịu thuế ước tính	26.101.350.004	41.311.854.634	109.386.351.632	92.514.658.394
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
Thuế TNDN - hiện hành	3.135.556.779	3.864.175.373	10.310.417.201	8.149.605.921
Thuế TNDN - hoãn lại	(6.644.893)	-	(6.644.893)	-
	3.128.911.886	3.864.175.373	10.303.772.308	8.149.605.921

Giải trình lợi nhuận tăng/giảm sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý 2 năm 2026 đạt 22,04 tỷ đồng giảm hơn 14,6 tỷ đồng, tương ứng mức giảm 40% so với cùng kỳ chủ yếu do nguyên nhân sau:

- Trong quý 2/2025, công ty liên kết ghi nhận khoản doanh thu bổ sung trụ A7 của Nhà máy Điện gió VPL – giai đoạn 1 cho giai đoạn năm 2023 và 2024 chuyển sang.
- Doanh thu bán điện giảm 3% tương đương giảm 2,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
- Giá vốn hàng bán tăng 7% tương đương tăng 2,4 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước do ghi nhận chi phí sửa chữa, bảo trì bảo dưỡng các nhà máy điện.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ kết thúc ngày	
	30/06/2026	30/06/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế của Công ty mẹ	97.337.438.888	99.736.410.601
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
Lợi nhuận phân bổ cho CĐ sở hữu Cổ phiếu phổ thông	97.337.438.888	99.736.410.601
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	47.662.500	47.662.500
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên Cổ phiếu	2.042	2.093

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

B09-DN/HN

32. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các Bên liên quan (BLQ) đến ngày 30/06/2026 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Số tiền
Công ty Cổ phần điện Gia Lai	Công ty mẹ	Mua hàng hóa và dịch vụ	8.413.920.000
		Mua (Chi hộ)	73.644.394
Công ty Cổ phần Điện TTC Đức Huệ - Long An	Công ty thành viên	Thu hồi khoản vay	86.000.000.000
		Lãi cho vay	3.354.082.192
Công ty Cổ phần Nhà Máy Điện Mặt Trời Trúc Sơn	Công ty thành viên	Cho vay	16.000.000.000
		Thu hồi khoản vay	23.000.000.000
		Lãi cho vay	3.454.876.713
Công ty Cổ phần Hợp Tác Phát Triển Năng Lượng Tái Tạo VIJA	Công ty thành viên	Cho vay	25.500.000.000
		Lãi cho vay	1.180.972.604
Công ty Cổ phần Năng Lượng VPL	Công ty liên kết	Cho vay	68.000.000.000
		Lãi cho vay	13.041.096
Công ty CP Năng Lượng Điện Cao Nguyên	Công ty thành viên	Cho vay	15.000.000.000
		Thu hồi khoản cho vay	2.500.000.000
		Lãi cho vay	594.178.082
Công ty TNHH Du lịch TTC	BLQ khác	Mua hàng hóa dịch vụ	28.618.687
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	BLQ khác	Mua hàng hóa dịch vụ	37.259.259
Công ty TNHH Lữ Hành Quốc Tế TTC	BLQ khác	Mua hàng hóa dịch vụ	52.610.813
Công ty Cổ Phần Chè Thành Ngọc	BLQ khác	Mua hàng hóa dịch vụ	111.987.777
Công ty Cổ Phần Thành Thành Nam	BLQ khác	Mua hàng hóa dịch vụ	5.909.091
Chi nhánh Công ty TNHH Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng - Khách sạn Ngọc Lan	BLQ khác	Mua hàng hóa dịch vụ	1.111.111
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Y tế DHA	BLQ khác	Mua hàng hóa dịch vụ	62.520.000

Tại ngày 30/06/2026 số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Phải thu cho vay ngắn hạn	Mối quan hệ	30/06/2026	01/01/2026
Công ty CP Điện TTC Đức Huệ - Long An	Bên liên quan	36.000.000.000	122.000.000.000
Công ty CP Hợp Tác Phát Triển Năng Lượng Tái Tạo VIJA	Bên liên quan	54.500.000.000	29.000.000.000
Công ty CP Nhà Máy Điện Mặt Trời Trúc Sơn	Bên liên quan	8.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP Năng lượng VPL	Bên liên quan	68.000.000.000	-
Công ty CP Năng Lượng Điện Cao Nguyên	Bên liên quan	22.500.000.000	10.000.000.000
		189.000.000.000	176.000.000.000
Phải thu cho vay dài hạn	Mối quan hệ	30/06/2026	01/01/2026
Công ty CP Nhà Máy Điện Mặt Trời Trúc Sơn	Bên liên quan	80.000.000.000	80.000.000.000
		80.000.000.000	80.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

B09-DN/HN

33. Lương và thù lao các nhân sự chủ chốt

		Kỳ kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm	
		Năm 2026	Năm 2025
		VND	VND
Hội Đồng Quản Trị		960.000.000	960.000.000
Bà Nguyễn Thái Hà	Chủ tịch	196.190.476	240.000.000
Bà Nguyễn Thái Hà	Thành viên	32.857.143	-
Ông Nguyễn Phong Phú	Chủ tịch	43.809.524	-
Ông Nguyễn Phong Phú	Thành viên	147.142.857	180.000.000
Ông Võ Hoàng Vinh	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Lê Thái Bình	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ông Phạm Thành Tuấn Anh	Thành viên	180.000.000	180.000.000
Ban Giám Đốc		857.991.863	735.485.758
Ông Trần Danh Bảo	Giám đốc	355.680.000	318.882.000
Bà Châu Tiểu Phụng	Phó Giám đốc	109.008.000	85.410.000
Ông Lê Quang Quốc Dũng	Phó Giám đốc	171.967.863	130.521.758
Ông Nguyễn Tiến Bằng	Kế toán trưởng	221.336.000	200.672.000
		1.817.991.863	1.695.485.758

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

35. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/06/2026 là kỳ đầu tiên Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu so sánh của Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất là số liệu trên Bảng cân đối kế toán riêng kết thúc ngày 31/12/2025; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ kỳ 6 tháng đầu năm 2025 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng quý 2/2025 do công ty tự lập và đã được Công ty điều chỉnh áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu đối với các khoản đầu tư vào Công ty liên kết. Do đó, số liệu này không so sánh được với số liệu của Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2025.



Nguyễn Tiến Bằng
Người lập/Kế toán trưởng



Trần Danh Bảo
Giám đốc

Ngày 28 tháng 07 năm 2026